

Số phiếu: 19/03/2025/KQ-270225/01

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : 16-18-20 ĐT743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Dĩ An, T. Bình Dương.
4. Ngày lấy mẫu : 27/02/2025
5. Ngày trả kết quả : 18/03/2025
6. Vị trí lấy mẫu :

STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	270225/01-KT1	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu+ hút bụi nghiền thô (X: 1205458; Y: 0608373)	Khí thải
2	270225/01-KT2	Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1,#2,#5 (X: 1205462; Y: 0608384)	Khí thải
3	270225/01-KT3	Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1,#2,#5 (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
4	270225/01-KT4	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
5	270225/01-KT5	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274)	Khí thải
6	270225/01-KT6	Khí thải tại tháp khử mùi lầu 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 19/03/2025/KQ-270225/01

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

7	270225/01-KT7	Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280)	Khí thải
8	270225/01-KT8	Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3,#4,#6 (X: 1205477; Y: 0608255)	Khí thải
9	270225/01-KT9	Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 1 (X: 1205271; Y: 0608530)	Khí thải
10	270225/01-KT10	Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 2 (X: 1205270; Y: 0608534)	Khí thải
11	270225/01-KT11	Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 1 (X: 1205318; Y: 0608418)	Khí thải
12	270225/01-KT12	Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 2 (X: 1205318; Y: 0608426)	Khí thải
13	270225/01-KT13	Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 3	Khí thải
14	270225/01-NT	Nước thải đầu ra tại trạm XLNT (X: 1205452; Y: 0608119)	Nước thải

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LAN CHI

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP EnviLab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP EnviLab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP EnviLab Việt Nam.

Số phiếu: 19/03/2025/KQ-270225/01-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 270225/01-KT1, 270225/01-KT2, 270225/01-KT3)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B	QCVN 20:2009/ BTNMT
				270225/ 01-KT1	270225/ 01-KT2	270225/ 01-KT3		
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	19,5	18,2	26,8	200	-
2	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010 ^(*)	KPH (MDL= 0,45)	KPH (MDL= 0,45)	KPH (MDL= 0,45)	7,5	-
3	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020 ^(*)	KPH (MDL= 5,60)	KPH (MDL= 5,60)	KPH (MDL= 5,60)	50	-
4	Lưu lượng	mg/Nm ³	US EPA Method 2 ^(*)	24.757	30.968	44.111	-	-
5	Nhiệt độ	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	40,5	38,8	29,9	-	-
6	SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	0	0,9	0	500	-
7	NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	0,2	0,4	1,2	850	-
8	CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	0	0,4	1,1	1.000	-
9	Hydrocacbon (CxHy)	mg/Nm ³	US EPA Method 18 ^(**)	0,19	KPH (MDL= 0,1)	KPH (MDL= 0,1)	-	-
10	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014 ^(**)	KPH (MDL= 0,001)	KPH (MDL= 0,001)	KPH (MDL= 0,001)	-	15
11	Anilin	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014 ^(**)	KPH (MDL= 0,026)	KPH (MDL= 0,026)	KPH (MDL= 0,026)	-	19

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- (**): Sử dụng kết quả mẫu phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- QCVN 19:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Áp dụng đối với các doanh nghiệp hoạt động sau ngày 16/1/2007;
- QCVN 20:2009/ BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 270225/01-KT1: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền trộn thủy sản + máy nghiền trộn gia súc + hút bụi nhập liệu + hút bụi nghiền thô (X: 1205458; Y: 0608373);
- 270225/01-KT2: Khí thải tại tháp khử mùi máy nghiền tinh #1, #2, #5 (X: 1205462; Y: 0608384);
- 270225/01-KT3: Khí thải tại tháp khử mùi máy tạo hạt gia súc #1, #2, #5 (X: 1205560; Y: 0608285).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 19/03/2025/KQ-270225/01-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 270225/01-KT4, 270225/01-KT5)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 20:2009/BTNMT
				270225/01-KT4	270225/01-KT5	
1	Hydrocacbon (CxHy)	mg/Nm ³	US EPA Method 18(**)	0,18	0,15	-
2	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	15
3	Anilin	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,026)	KPH (MDL=0,026)	19

Ghi chú:

- (*) : Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- (**) : Sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 270225/01-KT4: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285);
- 270225/01-KT5: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
 2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
 Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
 4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 19/03/2025/KQ-270225/01-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 270225/01-KT6, 270225/01-KT7, 270225/01-KT8)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 20:2009/BTNMT
				270225/01-KT6	270225/01-KT7	270225/01-KT8	
1	Hydrocacbon (CxHy)	mg/Nm ³	US EPA Method 18(**)	KPH (MDL=0,1)	0,13	KPH (MDL=0,1)	-
2	Metyl mercaptan (CH ₃ SH)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	KPH (MDL=0,001)	15
3	Anilin	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,026)	KPH (MDL=0,026)	KPH (MDL=0,026)	19

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 270225/01-KT6: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285);
- 270225/01-KT7: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280);
- 270225/01-KT8: Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3, #4, #6 (X: 1205477; Y: 0608255).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 19/03/2025/KQ-270225/01-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 270225/01-KT9, 270225/01-KT10, 270225/01-KT11)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 29:2009/ BTNMT
				270225/01-KT9	270225/01-KT10	270225/01-KT11	
1	Acrolein	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	2,5

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 270225/01-KT9: Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 1 (X: 1205271; Y: 0608530);
- 270225/01-KT10: Khí thải tại ống thoát khí chảo nấu dầu gia vị 2 (X: 1205270; Y: 0608534);
- 270225/01-KT11: Khí thải tại ống thoát khí chảo chiên mì 1 (X: 1205318; Y: 0608418).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 19/03/2025/KQ-270225/01-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 270225/01-KT12, 270225/01-KT13)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 20:2009/BTNMT
				270225/01-KT12	270225/01-KT13	
1	Acrolein	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014(**)	KPH (MDL=0,007)	KPH (MDL=0,007)	2,5

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- (**): Sử dụng kết quả thầu phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ;
- 270225/01-KT12: Khí thải tại ống thoát khí chào chiều mì 2 (X: 1205318; Y: 0608426);
- 270225/01-KT13: Khí thải tại ống thoát khí chào chiều mì 3.

Handwritten signature



1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
 2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
 3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
 Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
 4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 19/03/2025/KQ-270225/01-NT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 270225/01-NT)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ	TIÊU CHUẨN ĐÁU NỔI KCN SÓNG THẦN 2
1	pH	-	TCVN 6492:2011 ^(*)	7,8	5,5 - 9
2	Nhiệt độ	°C	SMEWW 2550B:2023 ^(*)	29,4	40
3	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000 ^(*)	16	100
4	BOD ₅	mg/L	TCVN 6001-1:2021 ^(*)	10,4	50
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023 ^(*)	23,2	150
6	Amoni (NH ₄ ⁺ _N)	mg/L	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023 ^(*)	0,31	10
7	Tổng Nitơ	mg/L	TCVN 6638: 2000 ^(*)	9,47	40
8	Tổng Phospho	mg/L	SMEWW 4500-P.B&D:2023 ^(*)	4,35	6
9	Sunfua	mg/L	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023 ^(*)	KPH (MDL=0,041)	0,5
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520 B&F:2023 ^(*)	3,58	10
11	Coliform	MPN /100mL	SMEWW 9221B:2023 ^(*)	1,3 x 10 ³	5.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Tiêu chuẩn đầu nổi Khu công nghiệp Sóng Thần 2;
- 270225/01-NT: Nước thải đầu ra tại trạm XLNT (X: 1205452; Y: 0608119).

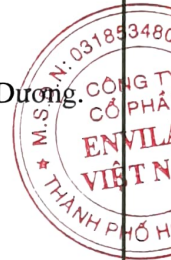
1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 20/03/2025/KQ-280225/01

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

1. Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔI TRƯỜNG SÀI GÒN
2. Đơn vị được quan trắc : CÔNG TY TNHH UNI PRESIDENT VIỆT NAM
3. Địa chỉ lấy mẫu : 16-18-20 ĐT743, KCN Sóng Thần 2, P. Dĩ An, TP. Dĩ An, T. Bình Dương.
4. Ngày lấy mẫu : 28/02/2025
5. Ngày trả kết quả : 18/03/2025
6. Vị trí lấy mẫu :



STT	Mã mẫu	Vị trí lấy mẫu, tọa độ	Loại mẫu
1	280225/01-KT1	Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
2	280225/01-KT2	Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285)	Khí thải
3	280225/01-KT3	Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280)	Khí thải
4	280225/01-KT4	Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3,#4,#6 (X: 1205477; Y: 0608255)	Khí thải
5	280225/01-KT5	Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274)	Khí thải
6	280225/01-K1	Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152)	Không khí

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 20/03/2025/KQ-280225/01

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

7	280225/01-K2	Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214)	Không khí
8	280225/01-K3	Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177)	Không khí
9	280225/01-K4	Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299)	Không khí
10	280225/01-K5	Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319)	Không khí
11	280225/01-K6	Khu vực trước kho thành phẩm cám (X:1205640; Y:0608252)	Không khí
12	280225/01-K7	Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367)	Không khí

7. Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo

TRƯỞNG PHÒNG THÍ NGHIỆM



ThS. LÊ ĐỨC HÒA

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN LAN CHI

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 20/03/2025/KQ-280225/01-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 280225/01-KT1, 280225/01-KT2, 280225/01-KT3)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
				280225/01 -KT1	280225/01 -KT2	280225/01 -KT3	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5 ^(*)	20,9	23,1	16,7	200
2	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010 ^(*)	KPH (MDL=0,45)	KPH (MDL=0,45)	KPH (MDL=0,45)	7,5
3	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020 ^(*)	KPH (MDL=5,60)	KPH (MDL=5,60)	KPH (MDL=5,60)	50
4	Lưu lượng	mg/Nm ³	US EPA Method 2 ^(*)	24.475	28.920	45.686	-
5	Nhiệt độ	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	43,3	34,9	33,2	-
6	SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	0,9	3,5	1,8	500
7	NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	0,8	2,3	0,8	850
8	CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT ^(*)	0	0	0	1.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Áp dụng đối với các doanh nghiệp hoạt động sau ngày 16/1/2007;
- 280225/01-KT1: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy tạo hạt # 6, # 7) (X: 1205560; Y: 0608285);
- 280225/01-KT2: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy tạo hạt # 3, # 4, # 8) (X: 1205560; Y: 0608285);
- 280225/01-KT3: Khí thải tại tháp khử mùi lần 4 (máy cá 2) (X: 1205566; Y: 0608280).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày tra kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 20/03/2025/KQ-280225/01-KT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 280225/01-KT4, 280225/01-KT5)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 19:2009/ BTNMT, Cột B
				280225/01-KT4	280225/01-KT5	
1	Bụi	mg/Nm ³	US EPA Method 5(*)	21,4	28,9	200
2	H ₂ S	mg/Nm ³	JIS K 0108:2010(*)	KPH (MDL=0,45)	KPH (MDL=0,45)	7,5
3	NH ₃	mg/Nm ³	JIS K 0099:2020(*)	KPH (MDL=5,60)	KPH (MDL=5,60)	50
4	Lưu lượng	mg/Nm ³	US EPA Method 2(*)	28.962	28.612	-
5	Nhiệt độ	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT(*)	38,1	48,3	-
6	SO ₂	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT(*)	2,6	3,5	500
7	NO _x	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT(*)	1,4	2,4	850
8	CO	mg/Nm ³	HD04-DD-TESTO-KT(*)	0	1,1	1.000

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- Cột B: Áp dụng đối với các doanh nghiệp hoạt động sau ngày 16/1/2007;
- 280225/01-KT4: Khí thải tại tháp khử mùi của máy nghiền tinh #3, #4, #6 (X: 1205477; Y: 0608255);
- 280225/01-KT5: Khí thải tại tháp khử mùi lần 8 (máy cá 1) (X: 1205573; Y: 0608274).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 20/03/2025/KQ-280225/01-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 280225/01-K1, 280225/01-K2)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 26:2016/BYT, QCVN 22:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT	QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT
				280225/01-K1	280225/01-K2		
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	30,3	31,9	18 - 32 ⁽¹⁾	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	48,5	54,3	40 - 80 ⁽¹⁾	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	0,3	0,3	0,2 - 1,5 ⁽¹⁾	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995(*)	426	386	-	8.000 ⁽⁴⁾
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009(*)	134	114	-	10.000 ⁽⁵⁾
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995(*)	152	129	-	10.000 ⁽⁵⁾
7	CO	µg/Nm ³	HD40-PT-KHICO (*)	< 12.297	<12.297	-	40.000 ⁽⁵⁾
8	NH ₃	µg/Nm ³	TCVN 5293:1995(*)	68	76	-	25.000 ⁽⁵⁾
9	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990(**)	636	410	≥ 300 ⁽²⁾	-
10	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)**)	79,4	69,8	85 ⁽³⁾	-

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- (2): QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc;
- (3): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- (4): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- (5): QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc - Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL);
- 280225/01-K1: Khu vực xưởng mì (X: 1205457; Y: 0608152);
- 280225/01-K2: Khu vực xưởng bột mì (X: 1205498; Y: 0608214).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả. Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 20/03/2025/KQ-280225/01-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 280225/01-K3, 280225/01-K4)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ		QCVN 26:2016/BYT, QCVN 22:2016/BYT, QCVN 24:2016/BYT	QCVN 02:2019/BYT, QCVN 03:2019/BYT, QĐ 3733/2002/QĐ-BYT
				280225/01-K3	280225/01-K4		
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	30,6	31,7	18 - 32 ⁽¹⁾	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	73,4	55,4	40 - 80 ⁽¹⁾	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	0,2	0,9	0,2 – 1,5 ⁽¹⁾	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995(*)	321	293	-	8.000 ⁽⁴⁾
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009(*)	147	144	-	10.000 ⁽⁵⁾
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995(*)	157	172	-	10.000 ⁽⁵⁾
7	CO	µg/Nm ³	HD40-PT-KHICO (*)	< 12.297	< 12.297	-	40.000 ⁽⁵⁾
8	NH ₃	µg/Nm ³	TCVN 5293:1995(*)	86	53	-	25.000 ⁽⁵⁾
9	H ₂ S	µg/Nm ³	MASA Method 701(*)	-	KPH (MDL=13)	-	15.000 ⁽⁵⁾
9	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990(**)	518	410	≥ 300 ⁽²⁾	-
10	Tiếng ồn	dBA	TCVN 9799:2013 (ISO 9612:2009)(**)	69,3	69,8	85 ⁽³⁾	-
11	Metyl mercaptan	mg/m ³	ASTM D2913-20(**)	-	KPH (MDL=0,050)	-	2 ⁽⁶⁾

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc - Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL);
- (1): QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc;
- (2): QCVN 22:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc;
- (3): QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- (4): QCVN 02:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc;
- (5): QCVN 03:2019/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc - Giới hạn tiếp xúc ngắn (STEL);
- (6): QĐ 3733/2002/QĐ-BYT: Tiêu chuẩn vệ sinh lao động. Giới hạn cho phép trong không khí vùng làm việc;
- 280225/01-K3: Khu vực xưởng vi sinh (X: 1205595; Y: 0608177);
- 280225/01-K4: Khu vực xưởng cám (X: 1205498; Y: 0608299).

- Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
- Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ; lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày tra kết quả.
- Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
- Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.

Số phiếu: 20/03/2025/KQ-280225/01-K

TP. Hồ Chí Minh, ngày 18 tháng 03 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

(Mã mẫu: 280225/01-K5, 280225/01-K6, 280225/01-K7)

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ			QCVN 05:2023/BTNMT	QCVN 26:2010/BTNMT
				280225/01-K5	280225/01-K6	280225/01-K7	Trung bình 1 giờ	
1	Nhiệt độ	°C	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	34,0	34,6	33,9	-	-
2	Độ ẩm	%	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	55,8	51,0	53,7	-	-
3	Tốc độ gió	m/s	QCVN 46:2022/BTNMT(*)	0,5	0,3	0,5	-	-
4	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm ³	TCVN 5067:1995(*)	133	150	188	300	-
5	NO ₂	µg/Nm ³	TCVN 6137:2009(*)	51	64	79	200	-
6	SO ₂	µg/Nm ³	TCVN 5971:1995(*)	< 105	< 105	112	350	-
7	CO	µg/Nm ³	HD40-PT-KHICO(*)	< 12.297	< 12.297	< 12.297	30.000	-
8	H ₂ S	µg/Nm ³	MASA Method 701(*)	KPH (MDL=13)	KPH (MDL=13)	KPH (MDL=13)	42	-
9	Ánh sáng	Lux	TCVN 5176:1990(**)	ASTN	ASTN	ASTN	-	-
10	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018(**)	68,2	66,5	56,2	-	70
11	Metyl mercaptan	µg/Nm ³	NIOSH Method 2542(**)	KPH (MDL=4)	KPH (MDL=4)	KPH (MDL=4)	50	-

Ghi chú:

- (*): Thông số được chứng nhận Vimcerts;
- (**): Sử dụng kết quả thử phụ của Vimcerts 304;
- KPH: Không phát hiện; MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí;
- Trung bình 1 giờ: Trung bình một giờ là giá trị trung bình của các giá trị đo được trong khoảng thời gian một giờ;
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- 280225/01-K5: Khu vực cổng bảo vệ (cổng chính) cách cổng 7m (X: 1205322; Y: 0608319);
- 280225/01-K6: Khu vực trước kho thành phẩm cám (X:1205640; Y:0608252)
- 280225/01-K7: Khu vực trước nhà rác (X: 1205440; Y: 0608367).

1. Kết quả đo đạc và phân tích có giá trị trên mẫu thử đối với khách gửi mẫu / tại thời điểm Công ty CP Envilab Việt Nam lấy mẫu.
2. Đơn vị yêu cầu, đơn vị được quan trắc, địa chỉ lấy mẫu được gửi theo yêu cầu của khách hàng.
3. Không lưu mẫu đối với mẫu khí thải, không khí và mẫu có chỉ tiêu vi sinh, dầu mỡ: lưu mẫu 05 ngày làm việc đối với các mẫu còn lại kể từ ngày trả kết quả.
Hết thời gian lưu mẫu Công ty CP Envilab Việt Nam không chịu trách nhiệm giải quyết khiếu nại về kết quả.
4. Không trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Công ty CP Envilab Việt Nam.